TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05/4/2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Điểu Hoàng; Ông Bùi Văn Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Viển – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Tới - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 42/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2019 về việc "tranh chấp ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Kim P** - sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp S, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Quốc C** - sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp S, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Theo đơn khởi kiện ngày 07/01/2019, bản tự khai ngày 22/02/2019, lời khai tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim P trình bày*:**

Chị và anh C tự nguyện tìm hiểu, phát sinh tình cảm, tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2005 thì xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân do anh C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Khi biết

chuyện, chị đã góp ý xây dựng để vợ chồng cùng chăm lo cuộc sống chung thì anh C không sửa đổi nên vợ chồng thường xuyên bất hòa, xúc phạm danh dự nhau và tự sống ly thân nhau cuối năm 2005 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quốc C.

Con chung giữa chị và anh C là cháu Nguyễn Hoàng Long T - sinh ngày 13/4/1997 và Nguyễn Hoàng Thiên T1 - sinh ngày 10/01/2000. Cả 02 con chung đã thành niên, có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 22/02/2019, lời khai tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn anh Nguyễn Quốc C trình bày: Anh đồng ý với trình bày của chị P về quá trình chung sống như vợ chồng, cũng như thông tin về con chung. Nay tình cảm không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị P.

Cả 02 con chung giữa anh với chị P đều đã thành niên, có khả năng lao động; đồng thời vợ chồng anh không có tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án và giao các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 quy định trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn và có yêu cầu ly hôn thì thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Căn cứ quy định này, đề nghị hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị P và anh C.

Các con chị P, anh C đều trưởng thành nên không xem xét.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn phát biểu quan điểm xử lý về tài sản và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn Nguyễn Quốc C cư trú tại ấp S, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a

khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân huyện Đ có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ kiện.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Kim P khởi kiện yêu cầu ly hôn, không tranh chấp nuôi con và tài sản nên quan hệ pháp luật được xác định là "tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị P, anh C vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt (BL 29) nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim P và anh Nguyễn Quốc C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn (BL 06, 25).

Xét thấy tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Đối với trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn và có yêu cầu ly hôn thì thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ.

Chính vì quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh C không được pháp luật thừa nhận nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh C như đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[2.2] Về quan hệ con chung: Con chung giữa chị P và anh C là Nguyễn Hoàng Long T - sinh ngày 13/4/1997 và Nguyễn Hoàng Thiên T1 - sinh ngày 10/01/2000 đều đã thành niên, có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim P phải chịu 300.000đ án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 1 Điều 33; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 202, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát

nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kim P và anh Nguyễn Quốc C.

2/ Về con chung; tài sản chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

3/ Chị Nguyễn Thị Kim P phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân & gia đình. Chị đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 005988 ngày 13/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu án phí.

Chị Nguyễn Thị Kim P, anh Nguyễn Quốc C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú V;
- Lưu.

Lê Xuân Hòa